

CÔNG TY CỔ PHẦN HAKOTA TOÀN CẦU
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HAKOTA TOÀN CẦU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAKOTA GLOBAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HAKOTA .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107998750

3. Ngày thành lập: 22/09/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 27C Quốc Tử Giám, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
2.	Trồng cây mía	0114
3.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
4.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
5.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
6.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
8.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
9.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
10.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
11.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
12.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
13.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
14.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
15.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
16.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
17.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
18.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
19.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
20.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết : Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932

21.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
22.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
23.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
24.	Cho thuê xe có động cơ	7710
25.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
26.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
27.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
28.	Trồng lúa	0111
29.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
30.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
31.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
32.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
33.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
34.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
35.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
36.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
37.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;	7110
38.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết : Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
39.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
40.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
41.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
42.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
43.	Trồng cây lấy sợi	0116
44.	Trồng cây ăn quả	0121
45.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
46.	Khai thác và thu gom than non	0520
47.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
48.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
49.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
50.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

51.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
52.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
53.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
54.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
55.	In ấn	1811
56.	Sao chép bản ghi các loại	1820
57.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
58.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
59.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
60.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
61.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
62.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
63.	Xây dựng nhà các loại	4100
64.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
65.	Xây dựng công trình công ích	4220
66.	Phá dỡ	4311
67.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
68.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
69.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
70.	Bán mô tô, xe máy	4541
71.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết : Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả ; Bán buôn cà phê; Bán buôn chè; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo; và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;	4632
72.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết : Bán buôn vải; Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; Bán buôn hàng may mặc; Bán buôn giày dép;	4641

73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết : Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) ; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;	4659
74.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết : Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác; (trừ bán buôn vàng)	4662
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
77.	Chăn nuôi khác	0149
78.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
79.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
80.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính);	7730
81.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
82.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
83.	Chăn nuôi lợn	0145
84.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
85.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
86.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
87.	Sản xuất giày dép	1520
88.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
89.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
90.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

91.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết : Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;	4649
92.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
93.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
94.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
95.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết : Dịch vụ cầm đồ	6492
96.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
97.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
98.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
99.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
100.	Đại lý du lịch	7911
101.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
102.	Đào tạo cao đẳng	8541
103.	Chăn nuôi gia cầm	0146
104.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
105.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
106.	Khai thác gỗ	0221
107.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
108.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
109.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
110.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4530
111.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
112.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	4543
113.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết : Đại lý	4610

114.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ Bán buôn động vật sống)	4620
115.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết : Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
116.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết : Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
117.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
118.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
119.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
120.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
121.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
122.	Quảng cáo	7310
123.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết : Hoạt động trang trí nội thất	7410(Chính)
124.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ: Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán.)	7490
125.	Điều hành tua du lịch	7912
126.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
127.	Giáo dục mầm non	8510
128.	Giáo dục tiểu học	8520
129.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động báo chí)	9000
130.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
131.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
132.	Sản xuất đường	1072
133.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
134.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
135.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
136.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
137.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

138.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
139.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
140.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
141.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
142.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận	7320
143.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.	8299
144.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
145.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
146.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGÔ THỊ THU THỦY	Tổ 8, Phường Tích Lương, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	091704054	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		
2	NGUYỄN TUẤN HẢI	Thôn Dầu, Xã Tử Du, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	135632599	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		
3	NGUYỄN HOÀI NAM	Thôn Dầu, Xã Tử Du, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	180.000	1.800.000.000	90,000	B7256235	
			Tổng số	180.000	1.800.000.000	90,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HOÀI NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 06/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: B7256235

Ngày cấp: 22/11/2012

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Dầu, Xã Tử Du, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P2109 Tòa C2 Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội